

Số: 23/2016/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chi tiết Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang;*

*Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số: 362/TTr-STC ngày 21/10/2016,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định chi tiết về mức thu và quản lý thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang như sau:

1. Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

Mức thu = tỷ lệ phần trăm (%) (x) diện tích (x) giá của loại đất trồng lúa

Trong đó:

a) Tỷ lệ phần trăm mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa được áp dụng theo từng địa bàn:

- Đối với xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn thành phố Hà Giang và các huyện: Bắc Mê, Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình mức thu là 70%;

- Đối với các xã, thị trấn thuộc địa bàn các huyện: Mèo Vạc, Đồng Văn, Yên Minh, Quản Bạ, Hoàng Su Phì, Xín Mần mức thu là 50%.



b) Diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp (được ghi cụ thể trong quyết định giao đất);

c) Giá của loại đất chuyên trồng lúa áp dụng theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Quản lý thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

a) Phê duyệt diện tích và số tiền phải nộp:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp diện tích, chỉ giới, mục đích chuyển đổi đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định vị trí, diện tích, ranh giới đất chuyên trồng lúa nước chuyển đổi sang mục đích phi nông nghiệp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt số tiền phải nộp của các cơ quan, tổ chức.

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt số tiền phải nộp của các hộ gia đình, cá nhân.

b) Trình tự thu, nộp:

Căn cứ quyết định phê duyệt số tiền phải nộp:

- Cục Thuế thông báo số tiền phải nộp và gửi cơ quan, tổ chức.

- Chi cục Thuế huyện, thành phố thông báo số tiền phải nộp và gửi hộ gia đình, cá nhân.

c) Đơn vị tổ chức thu: Cục Thuế, Chi cục Thuế các huyện, thành phố.

d) Thời hạn nộp tiền vào ngân sách nhà nước:

- Đối với cơ quan, tổ chức trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài: trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo khoản tiền phải nộp của cơ quan Thuế.

- Đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước: trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo khoản tiền phải nộp của cơ quan Thuế.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**


1. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và được áp dụng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Đối với các Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2016: Sở Tài nguyên và Môi trường/Phòng Tài nguyên và Môi trường, xác định số tiền phải nộp gửi cơ quan thuế cùng cấp để thông báo thu nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Về quản lý, sử dụng đất trồng lúa

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc tỉnh, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KT văn bản- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, CV: TH, NN, KT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**

